

Số: 1634/TM – NĐSD

Bắc Giang, ngày 04 tháng 6 năm 2025

THƯ MỜI KHẢO SÁT VÀ BÁO GIÁ

**Đơn hàng số: 02.06.25 về việc Mua sắm vật tư Kim khí phục vụ
sửa chữa định kỳ tổ máy số 1, 2.**

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Sơn Động- TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý đơn vị.

Công ty nhiệt điện Sơn Động – TKV đang có nhu cầu Khảo sát giá vật tư Kim khí phục vụ sửa chữa định kỳ tổ máy số 1, 2.

Công ty nhiệt điện Sơn Động –TKV kính mời nhà cung cấp (NCC) có quan tâm, tham gia khảo sát và báo giá hàng hóa với nội dung như sau:

1. Thông tin về vật tư cần mua:

1.1. Tên đơn hàng: Mua sắm vật tư Kim khí phục vụ sửa chữa định kỳ tổ máy số 1, 2.

1.2. Số hiệu đơn hàng: 02.06.25

1.3. Chi tiết đơn hàng: Bao gồm các nội dung về tên hàng hóa, số lượng, quy cách, thông số kỹ thuật như phụ lục đính kèm:

- Yêu cầu về hàng hóa: Hàng mới 100%, đúng quy cách, danh điểm và thông số kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất; Hàng hóa được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp của hàng hóa.

- Nhà cung cấp đính kèm cùng báo giá các tài liệu kỹ thuật (nếu có) của hàng hóa như: Catalog của hàng hóa để chứng minh hàng hóa là đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật của thư mời.

- Nếu chào hàng hóa, vật tư tương đương, NCC cần chào hàng hóa, vật tư có tiêu chuẩn quản lý và chất lượng bằng hoặc cao hơn hàng hóa, vật tư mà bên mời chào giá yêu cầu để đảm bảo tương thích với thiết bị hiện tại của nhà máy và không ảnh hưởng đến chế độ vận hành của thiết bị (phải có bảng so sánh và tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất chứng minh cụ thể, rõ ràng tính tương đương với mặt hàng Công ty yêu cầu).

2. Nội dung Bản chào giá (BCG):

a. Yêu cầu về tư cách, kinh nghiệm và năng lực của NCC:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có) bản sao công chứng hoặc bản sao có đóng dấu đỏ của doanh nghiệp.



- Trong quá trình chuẩn bị bản chào giá, Nhà cung cấp có quyền tham gia khảo sát thông số kỹ thuật thiết bị thực tế của Bên Mời chào giá nhằm đảm bảo hàng hóa cung cấp lắp đặt phù hợp và đồng bộ với thiết bị có sẵn của nhà máy.

b. Các yêu cầu về thương mại:

- Bản chào giá phải ghi rõ tên vật tư, quy cách, mã hiệu, đơn vị tính, số lượng, đơn giá của từng vật tư, tổng giá trị đơn hàng đã bao gồm các loại chi phí khảo sát, chi phí vận chuyển, các loại thuế và chi phí khác.

- Thời gian giao hàng, địa điểm giao hàng, hình thức thanh toán, thời gian bảo hành hàng hóa, hiệu lực của bản chào giá.

- Hàng hóa được chào phải thể hiện rõ xuất xứ, nguồn gốc hợp pháp của hàng hóa.

- Địa điểm giao hàng: Tại Kho Vật tư Công ty nhiệt điện Sơn Động - TKV; Địa chỉ: Tổ dân phố Đồng Rì - TT. Tây Yên Tử - Huyện Sơn Động - Tỉnh Bắc Giang.

- Hiệu lực của bản báo giá: ≥ 30 ngày kể từ ngày báo giá.

3. Hình thức tham gia và thời gian báo giá.

1. Hình thức báo giá:

- Bản chào giá phải do đại diện hợp pháp của NCC ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của NCC kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Báo giá của Quý đơn vị xin gửi về: Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, tổ dân phố Đồng Rì, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; Điện Thoại: 0204.3588.818. (Ghi chú: Hồ sơ chào giá nộp trực tiếp - người đến nộp phải mang theo Giấy giới thiệu và bản sao CMND hoặc CCCD còn giá trị đồng thời mang theo bản gốc để đối chiếu). Hoặc E- mail: Sondongvpct@gmail.com và Email: vattusondong88@gmail.com (Đối với các đơn vị gửi báo giá qua mail vẫn phải hoàn thiện gửi bản báo giá gốc cho bên mời chào giá qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên).

- Mọi thông tin trao đổi về phần kỹ thuật và tham gia khảo sát hàng hóa xin vui lòng liên hệ Bà: Trần Thị Thanh Miến- Nhân viên Phòng KHĐTVT; số điện thoại: 0973.983.088.

2. Thời gian nhận bản báo giá: Bản báo giá được gửi đến Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV chậm nhất ngày 11 tháng 6 năm 2025 (trong giờ làm việc hành chính).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Giám đốc(b/c, e-copy)
- Email: truyenthongtkv@vinacomin.vn (để đăng tải)
- Email: quyennb@vinacominpower.vn (để đăng tải)
- Lưu: VT, KHĐTVT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Xuân Trường

PHỤ LỤC THƯ MỜI KHẢO SÁT VÀ BÁO GIÁ

Kèm theo thư mời khảo sát và báo giá số: 1692/TM-NĐSD ngày 04 tháng 6 năm 2025

Stt	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/dvt)	Thuế GTGT	Thành tiền (Đồng)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Ghi chú
1	Thép tấm chống mài mòn	VL:65Mn, dày 20mm		m ²	6,6						
2	Thép hình V50x50x5	V50x50x5, CT3		m	36,0						
3	Van bi tay gạt inox Wonil – DN50PN16	DN50PN16 (bao gồm bulong, mặt bích và gioăng)		Cái	2,0						
4	Ống thép Φ60,3x3,18; thép SUS304	Φ60,3x3,18; thép SUS304		m	98,0						
5	Cút cong góc 90°; Φ 60,3x3,18 thép SUS304	Cút cong góc 90°; Φ 60,3x3,18 thép SUS304		Cái	29,0						
6	Ống thép Ø168,3x7,1; vật liệu Q235 A	Ø168,3x7,1; vật liệu Q235 A		m	150,0						
7	Cút thép góc 90° loại Ø168,3x7,1; vật liệu Q235A	Cút thép góc 90° loại Ø168,3x7,1; vật liệu Q235 A		Cái	19,0						
8	Thép tấm Q235A dày 10mm	Q235A dày 10 mm		m ²	5,0						



Stt	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/đvt)	Thuế GTGT	Thành tiền (Đồng)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Ghi chú
9	Van bướm tay quay kiểu bánh răng (D341) DN150-PN25 thép Inox mặt bích	Van bướm tay quay kiểu bánh răng (D341) DN150-PN25 thép Inox mặt bích (bao gồm mặt bích, gioăng và bulong)		Cái	2,0						
10	Ống thép Ø219,1x7; vật liệu Q235A	Ø219,1x7; vật liệu Q235A		m	157,0						
11	Cút thép góc 45°; loại Ø219,1x7; vật liệu Q235A	Cút thép góc 45° loại Ø219,1x7; vật liệu Q235A		Cái	4,0						
12	Cút thép góc 90° loại Ø219,1x7; vật liệu Q235A	Cút thép góc 90° loại Ø219,1x7; vật liệu Q235A		Cái	21,0						
13	Thép ống Φ60,3x3,18 SUS304	Φ60,3x3,18 SUS304		m	72,0						
14	Van bướm tay quay kiểu bánh răng D341; DN50; PN25 thép Inox mặt bích	Van bướm tay quay kiểu bánh răng D341; DN50; PN25 thép Inox mặt bích (bao gồm mặt bích, gioăng và bulong)		Cái	4,0						
15	Van bướm tay quay kiểu bánh răng D341; DN50; PN25 thép Inox mặt bích	Van bướm tay quay kiểu bánh răng D341; DN50; PN25 thép Inox mặt bích (bao gồm mặt bích, gioăng và bulong)		Cái	4,0						
16	Van bướm tay quay kiểu bánh răng D341; DN150; PN25 thép Inox mặt bích	Van bướm tay quay kiểu bánh răng D341; DN150; PN25 thép Inox mặt bích (bao gồm mặt bích, gioăng và bulong)		Cái	4,0						

Stt	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/đvt)	Thuế GTGT	Thành tiền (Đồng)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Ghi chú
17	Thép tấm Q235A dày 15mm; KT 1200x1200x15mm	Q235A dày 15mm; KT 1200x1200x15mm		Tám	5,0						
18	Bu lông M27x100 8.8	M27x100 8.8		Bộ	140,0						
19	Van bướm tay quay kiểu bánh răng D341; DN150; PN25 thép Inox mặt bích (bao gồm mặt bích, gioăng và bulong)	Van bướm tay quay kiểu bánh răng D341; DN150; PN25 thép Inox mặt bích (bao gồm mặt bích, gioăng và bulong)		Cái	2,0						
20	Van bi DN20 PN16 Inox304 kết nối bích	Van bi DN20 PN16 Inox304 kết nối bích (bao gồm bulong, gioăng và mặt bích)		Cái	5,0						
21	Van bướm tay quay kiểu bánh răng (D341) DN80- PN25	Van bướm tay quay kiểu bánh răng (D341) DN80-PN25 thép Inox mặt bích (bao gồm mặt bích, gioăng và bulong)		Cái	8,0						
22	Ống thép đúc Ø88,9x5,5; Vật liệu thép Q235A	Ø88,9x5,5; Vật liệu thép Q235A		m	24,0						
23	Cút cong góc 90° thép đúc Ø88,9x5,5; Vật liệu thép Q235A	Cút cong góc 90° độ thép đúc Ø88,9x5,5; Vật liệu thép Q235A		Cái	15,0						
24	Ống thép đúc Ø141,3 x 6,5; vật liệu Q235A	Ø141,3 x 6,5; vật liệu Q235A		m	11,0						
25	Cút thép 90°; Ø141,3 x 6,5; vật liệu Q235A	Cút thép 90°; Ø141,3 x 6,5; vật liệu Q235A		Cái	7,0						

ĐANG
ĐANG
ĐANG

Stt	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/dvt)	Thuế GTGT	Thành tiền (Đồng)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Ghi chú
26	Van bướm mặt bích tay quay DN150 - PN16	Van bướm mặt bích tay quay DN150 - PN16 (bao gồm cả mặt bích + bulong + gioăng cao su)		Cái	1,0						
27	Đồng hồ đo áp lực nước dải đo 0-6 kg/cm2	0-6 kg/cm2 (bao gồm cả ống dẫn và van đi kèm)		Cái	2,0						
28	Gu đông M18x350 + 5 Ecu/Gu đông	Ø273,1 x 7,8; vật liệu Q235A		m	14,0						
29	Cút thép 90°, Ø273,1 x 7,8; vật liệu Q235A	Cút thép 90°; Ø273,1 x 7,8; vật liệu Q235A		Cái	1,0						
30	Ống thép đúc Ø406,4 x 7,9; vật liệu Q235A	Ø406,4 x 7,9; vật liệu Q235A		m	6,0						
31	Đồng hồ đo áp lực nước dải đo 0-6 kg/cm2	0-6 kg/cm2 (bao gồm cả ống dẫn và van đi kèm)		Cái	6,0						
32	Van bướm mặt bích tay quay DN250 - PN16	Van bướm mặt bích tay quay DN250 - PN16 (bao gồm cả mặt bích + bulong + gioăng cao su)		Cái	3,0						
33	Van 1 chiều DN250 - PN16	Van 1 chiều DN250 - PN16 (bao gồm cả mặt bích + bulong + gioăng cao su)		Cái	2,0						
34	Gu đông M18x350 + 5 ecu/gu đông	M18x350 + 5 ecu/gu đông		Bộ	36,0						

Stt	Tên vật tư hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật	Hãng sản xuất/ Xuất xứ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (Đồng/dvt)	Thuế GTGT	Thành tiền (Đồng)	Thời gian giao hàng	Thời gian bảo hành	Ghi chú
35	Bulong thép M20x100 (8.8)	M20x100 (8.8)		Bộ	84,0						
36	Cao su tấm	dày 4mm		m ²	7,0						
37	Ống thép đúc Ø168,3x6,35; vật liệu Q235A	Ø168,3x6,35; vật liệu Q235A		m	18,0						
38	Cút thép 90°; Ø168,3x6,35; vật liệu Q235A	Cút thép 90°, loại Ø168,3x6,35; vật liệu Q235A		Cái	5,0						
39	Bulong thép M18x100 (8.8)	M18x100 (8.8)		Bộ	48,0						
40	Thép tấm Sus 304 dày 2mm	Sus 304 dày 2mm		m ²	6,0						
41	Thép tấm 16Mn dày 10mm	16Mn dày 10mm		m ²	1,0						
42	Thép tấm Sus310S dày 10mm	Sus310S dày 10mm		m ²	7,0						